

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hình thái tổn thương ở những bệnh nhân phình giãn mạch vành tại Viện Tim mạch Việt Nam

Trần Văn Vang*, Phạm Mạnh Hùng**

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai*

Viện Tim mạch Việt Nam**

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân được chẩn đoán có tổn thương phình giãn động mạch vành.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành trên 49 bệnh nhân có kết quả phình giãn động mạch vành tại Viện Tim mạch Quốc gia Việt Nam- Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2017. Phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Kết quả nghiên cứu: Tỷ lệ giãn phình động mạch vành trong nghiên cứu là 1,69%, nam giới cao hơn nữ giới (65,3% - 34,7%). Tuổi trung bình của bệnh nhân là 63,5±10,99 tuổi. Tiền sử cao huyết áp hay gặp nhất (73,5%), tiền sử cơn đau thắt ngực là 59,2%; đặt stent ĐMV là 26,6%. Tỷ lệ bệnh nhân giãn phình ĐMV có triệu chứng đau ngực khi vào viện là 79,6% và phổ biến nhất ở mức độ đau ngực CCS III với 56,4%, khó thở là 57,1%; đau ngực kết hợp khó thở là 36,7%. Tỷ lệ tăng CK-MB là 18,4%; tăng Tro -T và NT-Pro BNP lần lượt ở mức 55,1%

và 61,2%. Có 55,1% số bệnh nhân có giảm HDL-C; 14,3% có tăng Cholesterol máu; có 44,7% rối loạn vận động vùng cơ tim, 57,4% có HoHL và 48,9% có HoBL. RCA là đoạn có số điểm phình nhiều nhất (chiếm 49%). Phình ĐMV hình cầu thường gặp nhất với 55% các trường hợp Typ IV, cũng là typ chiếm tỷ lệ cao nhất với 77,6%.

Kết luận: Chụp động mạch vành qua da là phương pháp có giá trị cao trong việc chẩn đoán và mô tả trường hợp phình động mạch vành. Bên cạnh các triệu chứng lâm sàng khi vào viện, cần khai thác kỹ các đặc điểm của bệnh nhân, đặc biệt là tuổi, tiền sử THA, tiểu đường, hút thuốc lá, rối loạn Lipid máu để góp phần định hướng cho chẩn đoán phình ĐMV. Cần có nghiên cứu sâu hơn để khẳng định mối liên quan giữa các yếu tố tiền sử, đặc biệt là tuổi, nghề nghiệp, tiền sử tăng huyết áp với nguy cơ phát hiện phình ĐMV.

Từ khóa: phình động mạch vành, chụp động mạch vành

ABSTRACT

"Study on clinical characteristics, subclinical and coronary morphology of aneurysm in coronary angiography at the National Heart Center"

Summary:

Objectives: Describe clinical and laboratory characteristics in patients diagnosed with aneurysm disease at the National Heart Center.

Subjects and methods: The study was conducted on 49 patients with coronary artery ectasia at the National Heart Center Vietnam - Bach Mai Hospital from August 2016 to August 2017. Study method: cross sectional descriptive study.

Results: The rate of coronary artery aneurysm in the study was 1.69%, men were higher than women (65.3% - 34.7%), mean of age was 63, $5 \pm 10,99$ years. The most common history is hypertension (73.5%), history of angina is 59.2%; Patients with bronchospasm exhibited 79.6% chest pain and most commonly bronchial chest pain (56.4%), dyspnea (57.1%); chest pain combined with dyspnea is 36.7%. The CK-MB increase rate was 18.4%; increased Trout T and NT-Pro BNP respectively at 55.1% and 61.2%. There were 55.1% of patients with decreased HDL-C; 14.3% had hypercholesterolemia; 44.7% had myocardial infarction, 57.4% had HOHL and 48.9% had HoBL. RCA is the segment with the most bulges (49%). The spherical DMF is most common with 55% of cases. Type IV is also the type with the highest proportion of 77.6%.

Conclusion: Coronary angiography is a highly valuable method for the diagnosis and description of coronary artery disease. In addition to the clinical symptoms before hospitalization, the patient's characteristics, in particular age, history of hypertension, diabetes, smoking, blood lipid disorders, should be explored in order to guide the diagnosis. Further studies are needed to confirm the association of pre-existing factors, especially age, occupation, and history of hypertension with the risk of detecting SBF.

Keywords: aneurysm, coronary angiography.